

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT DU LỊCH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NGUYỄN THỊ BÉ BA*

TÓM TẮT

Cơ sở vật chất kỹ thuật (CSVCKT) du lịch là một phần quan trọng của hệ thống lãnh thổ du lịch. Góp phần khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch và thỏa mãn nhu cầu du khách. Hiện tại, CSVCKT du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đang ngày càng được cải thiện, tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ của du lịch trong tương lai. Tuy nhiên, do mức độ đầu tư thiết bị và tiện nghi chưa hiện đại, hệ thống dịch vụ bổ sung đơn điệu, nghèo nàn nên chưa đáp ứng nhu cầu khách du lịch có thu nhập cao và quốc tế. Việc tìm định hướng tốt, giải pháp đồng bộ hoàn thiện CSVCKT sẽ thúc đẩy du lịch vùng phát triển nhanh và bền vững.

Từ khóa: Đồng bằng sông Cửu Long, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, cơ sở lưu trú.

ABSTRACT

Orientation for touristic technical infrastructure development in the Mekong Delta

Touristic technical infrastructure is an essential part of the system of touristic territory, contributing to effective exploitation of tourism resources and meeting the needs of tourists. Currently, the touristic technical infrastructure in the Mekong Delta is being improved, laying the foundation for the strong growth of tourism in the future. However, due to the lack of investment in modern equipment and facilities, and simple additional services, the needs of high-income and international tourists have not been met. Good orientation and synchronization of technical infrastructure will boost tourism in the region.

Keywords: Mekong Delta, touristic technical infrastructure, tourist guest houses.

1. Đặt vấn đề

Ở vị trí tận cùng Tổ quốc, ĐBSCL là vùng đất được thiên nhiên ưu đãi với nguồn tài nguyên đa dạng và phong phú, đặc biệt là tài nguyên du lịch tự nhiên, như: hệ sinh thái đất ngập nước (Đồng Tháp Mười), rừng ngập mặn (Cà Mau) và hệ sinh thái biển - đảo (Rạch Giá - Hà Tiên - Phú Quốc). Bên cạnh đó, tài nguyên du lịch nhân văn cũng hết sức đa dạng và phong phú, như: Lễ hội Bà Chúa

Xứ, Chol Chnam Thmay, Đua bò bảy núi, Đờn ca tài tử... là điều kiện tốt nhất để tạo sản phẩm du lịch đặc trưng cho vùng. Năm 2012, ngành du lịch ĐBSCL đã đón tiếp gần 20 triệu lượt khách, trong đó có hơn 1,6 triệu khách quốc tế và 18,4 triệu khách nội địa, tổng doanh thu đạt 4344 tỉ đồng [2]. Nhìn chung, tiềm năng du lịch ĐBSCL rất lớn, tốc độ phát triển và thu hút khách du lịch ngày càng tăng. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế cùng với

* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch mà điều kiện về CSVCKT của vùng còn chưa tương xứng. Vấn đề đặt ra là phải thực hiện đánh giá thực trạng và tìm kiếm các định hướng thích hợp, cách khai thác có hiệu quả nhất CSVCKT du lịch của vùng trong mối quan hệ của vùng với sự phát triển kinh tế xã hội của cả nước.

2. Thực trạng cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch vùng đồng bằng sông Cửu Long

CSVCKT du lịch đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo và sử dụng sản phẩm du lịch cũng như quyết định mức độ khai thác tiềm năng du lịch. Vì thế, thực trạng phát triển của CSVCKT du lịch ở ĐBSCL cũng đánh giá được phần nào sự phát triển du lịch cũng như sự phát triển kinh tế của cả vùng. Những năm gần đây, hệ thống CSVCKT du lịch ở ĐBSCL không ngừng được mở rộng và nâng cấp.

2.1. Cơ sở lưu trú

Cơ sở lưu trú là tiện nghi quan trọng không thể thiếu của mỗi điểm du lịch và thường chiếm tỉ trọng lớn vốn đầu tư. Cơ sở lưu trú rất đa dạng và phong phú về loại hình, quy mô nhằm đáp ứng nhu cầu của các thị trường khách du lịch khác nhau. Việc phát triển các loại hình cơ sở lưu trú không những tạo nét độc đáo cho khu du lịch mà còn nâng cao hiệu quả kinh tế và hiệu quả đầu tư.

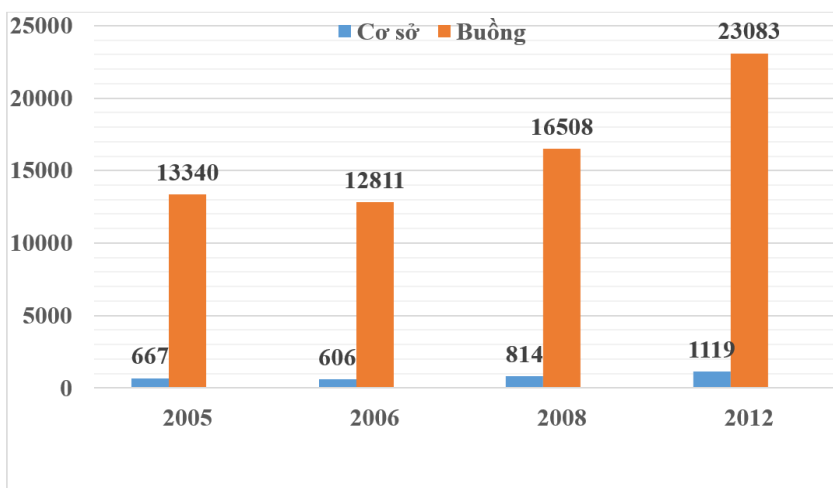
Hệ thống cơ sở lưu trú của ĐBSCL đã phát triển với tốc độ nhanh, đồng thời cũng không ngừng nâng cấp, xây mới khách sạn, nhà nghỉ phục vụ du khách, đặc biệt là từ năm 2005 trở lại đây. Nếu

như năm 2005, toàn ĐBSCL mới chỉ có 710 cơ sở lưu trú với tổng cộng 14.394 buồng, thì đến năm 2008, số cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tăng lên 814 cơ sở với 16.508 buồng; trong đó có 4 khách sạn 4 sao, 15 khách sạn 3 sao, 54 khách sạn 2 sao, 88 khách sạn 1 sao và nhiều cơ sở không xếp hạng khác, tập trung nhiều nhất ở Kiên Giang (25%) và Cần Thơ (20%). Công suất sử dụng trung bình không cao, khoảng 57% [1]. Tính đến năm 2013, ĐBSCL đã có 1119 cơ sở với 23.083 buồng có thể cho thuê lưu trú, có khả năng đón tối đa 6,2 triệu khách trong 365 ngày, bình quân 20 phòng/cơ sở lưu trú, có 2 cơ sở lưu trú 5 sao là Salinda Primium Resort and Spa và The shells Resort and Spa (Phú Quốc) đã hoạt động và 1 cơ sở 5 sao đang được xây dựng là Mường Thanh (Cần Thơ), có 39 cơ sở lưu trú từ 3 - 4 sao với 1248 buồng (chiếm 1,6% số cơ sở lưu trú và 4,9% số phòng so với khu vực). Trong đó, có khoảng 574 cơ sở có thể đáp ứng phục vụ hội nghị, hội thảo và còn đến 656 cơ sở lưu trú với 11.334 phòng chưa được xếp hạng. Sự phân bố các cơ sở lưu trú ở ĐBSCL là không đều nhau, hầu hết các khách sạn đều tập trung ở một số địa phương, như: Cần Thơ có 186 khách sạn, Kiên Giang có 230 khách sạn (riêng Phú Quốc có 40 khách sạn từ 2 sao trở lên), Tiền Giang có 113 khách sạn, An Giang có 94 khách sạn, Cà Mau có 85 khách sạn. Số khách sạn được xếp hạng 3 - 4 sao chỉ chiếm khoảng 2% cơ sở lưu trú, 5% số phòng và 6% số giường so với tổng số, trong đó có 4 khách sạn 4 sao

nằm ở Cần Thơ, An Giang có 1 khách sạn, Kiên Giang có 11 khách sạn (trong đó Phú Quốc có 10 khách sạn 4 sao) [2]. Đặc biệt, loại hình lưu trú tại nhà dân, lưu trú trong nhà cổ, nhà ở sinh thái, du thuyền lưu trú... là hình thức mới khá hấp dẫn, chính thức đi vào hoạt động ở ĐBSCL từ năm 2006. Loại hình này tập trung nhiều ở những vùng không đủ điều

kiện để xây dựng khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, hay quán ăn phục vụ nhu cầu khách du lịch. Khách du lịch sẽ được bố trí đến ở một nhà dân tại địa phương, được ăn, nghỉ và tham gia các công việc trong gia đình cũng như các lễ hội của địa phương. Loại hình lưu trú này phân bố nhiều ở Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Bến Tre, An Giang...

Biểu đồ các cơ sở lưu trú tại ĐBSCL giai đoạn 2005-2012



Nguồn: [2]

Về chất lượng, các cơ sở lưu trú ở ĐBSCL được nâng dần trên các mặt về tiện nghi phục vụ và các dịch vụ hỗ trợ khác. Các buồng phòng đã đạt tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh theo tiêu chí xếp hạng đánh giá cơ sở lưu trú của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch. Việc phát triển các cơ sở lưu trú có sự biến đổi về chất lượng theo hướng tăng cao tỉ trọng các cơ sở dịch vụ du lịch cao cấp, số lượng khách sạn nghỉ dưỡng cao cấp ngày càng tăng, kéo theo đó là việc tập trung đầu tư hệ thống cơ sở lưu trú để phục vụ nguồn

khách có thu nhập cao. Thời điểm gần đây, ĐBSCL đã có nhiều dự án đầu tư xây dựng các resort, các khách sạn 5 sao ở Cần Thơ, Kiên Giang... Tuy nhiên, nhìn chung, cơ sở lưu trú phục vụ khách đến ĐBSCL còn thiếu các khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp. Đa số là cơ sở lưu trú quy mô nhỏ, số lượng cũng như chất lượng phòng nghỉ chưa đạt chuẩn. Mỗi khi đưa khách du lịch qua đây, công tác du lịch rất khó bố trí nơi nghỉ ngơi đáp ứng yêu cầu của khách. Những hạn chế đó đã ảnh hưởng đến việc thu hút du khách đến

tham quan, cũng như không kéo dài thời gian lưu trú của khách. Thực tế, khi có các sự kiện lớn diễn ra trên địa bàn, nhiều đoàn khách VIP tìm đến nghỉ dưỡng ở ĐBSCL, các khách sạn quy mô nhỏ cũng gặp khó khăn trong việc áp dụng công nghệ quản lý khách sạn hiện đại. Việc kiểm kê, đánh giá hệ thống cơ sở lưu trú trên địa bàn cùng công tác quản lý cơ sở lưu trú ở từng tỉnh và toàn vùng chưa được coi trọng, các cơ sở lưu trú thường tự phát. Đa số các cơ sở lưu trú là của tư nhân, tập trung chủ yếu ở các trung tâm đô thị... Đặc biệt, các dịch vụ phụ trợ như: bể bơi, xông hơi, massage, spa, tennis... tại các khách sạn, nhà nghỉ còn hạn chế. Vấn đề vệ sinh tại cơ sở lưu trú đang rất cần được quan tâm. Ngoài ra còn nhiều hạn chế về nguồn nhân lực, trình độ quản lý, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ của một số khách sạn xa trung tâm, khách sạn có quy mô nhỏ, cơ sở lưu trú tại nhà dân và các cơ sở lưu trú trong khu du lịch sinh thái chưa đảm bảo tiêu chuẩn, chưa đáp ứng được nhu cầu hội nhập.

2.2. Cơ sở ăn uống

Cùng với sự gia tăng nhanh khách du lịch và các cơ sở lưu trú ở vùng du lịch ĐBSCL, hệ thống các cơ sở ăn uống nơi đây rất đa dạng và phong phú. Toàn vùng có khoảng 343 cơ sở ăn uống đã được khai thác phục vụ tốt cho du lịch [2]. Các cơ sở này nằm trong và ngoài các cơ sở lưu trú, tập trung chủ yếu tại các trung tâm thành phố. Cụ thể, số lượng nhà hàng của một số tỉnh ĐBSCL như sau: Cà Mau (31 nhà hàng), Bạc

Liêu (27 nhà hàng), Cần Thơ (42 nhà hàng), Tiền Giang (13 nhà hàng tập trung ở Mỹ Tho), An Giang (34 nhà hàng), và hàng trăm cơ sở ăn uống chưa được khai thác tốt hoặc mới được khai thác một phần nằm rải rác tại các tỉnh ở ĐBSCL [2].

Các cơ sở ăn uống ngoài khách sạn trong những năm qua cũng đã phát triển nhanh, phong phú, đa dạng với các loại hình cơ sở ăn uống như nhà hàng thức ăn nhanh, điểm tâm, tự chọn... đã bắt đầu phát triển. Các món ăn ngày càng độc đáo và hấp dẫn khách du lịch nội địa và quốc tế. Tại Cần Thơ, Tiền Giang, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau... có các nhà hàng phục vụ đặc sản của từng tỉnh, hình thức phục vụ và điều kiện trang thiết bị là tốt nhất so với các địa phương khác trong vùng. Những cơ sở ăn uống phục vụ đặc sản địa phương có thể kể đến như: Bánh xèo Mười Xiêm, Lẩu mắm Miền Tây, Lẩu riêu cua đồng... Ngoài ra, còn có các nhà hàng phục vụ các món ăn chế biến từ đặc sản của rừng, của sông nước mà thiên nhiên đã ban tặng cho con người, như: mật ong, cá, tôm, cua, rùa, rắn, hoa màu, cây ăn trái, các loài chim muông... thú nào cũng phong phú và đa dạng. Những hệ thống nhà hàng đặc sản này có ở khắp vùng.

Nét độc đáo cũng là thế mạnh của ẩm thực vùng ĐBSCL là việc phục vụ ăn uống trong khu du lịch sinh thái hay tại các vườn trái cây phục vụ du lịch, trên du thuyền... thường dùng chất liệu tre, nứa, lá dừa, lòng đèn, đèn ống tre tô điểm nét độc đáo cho không gian ẩm thực miền

sông nước; nhân viên phục vụ mặc áo bà ba với nhiều màu sắc, quần khăn rằn nhằm tạo sự đồng nhất cho toàn bộ không gian ẩm thực. Thức ăn thì thường là đặc sản của vùng sông nước. Ngoài đặc sản trái ngon còn phải kể đến các món ăn dân dã miệt vườn như cá lóc nướng kết hợp bánh tráng, bông súng, bông điên điển, cá linh non...

Tuy nhiên, tại các nhà hàng, các cơ sở ăn uống, dịch vụ ẩm thực nhiều nơi vẫn đơn điệu, nghèo nàn, trùng lặp, chưa có những món ăn độc đáo, hấp dẫn để lại ấn tượng cho du khách sau khi thưởng thức. Đội ngũ phục vụ thiếu về số lượng, phong cách, tác phong còn chưa chuyên nghiệp. Phần lớn nhân viên phục vụ chưa qua lớp đào tạo nghiệp vụ lễ tân, phục vụ buồng phòng. An ninh trật tự tại một số nhà nghỉ, khách sạn tư nhân chưa bảo đảm, không ít lần xảy ra những vụ việc thiếu lành mạnh. Một vấn đề cần được quan tâm hàng đầu trong những năm gần đây là vấn đề chưa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Một số cơ sở (đặc biệt là các cơ sở tư nhân) còn buông lỏng việc quản lí, kiểm tra vệ sinh thực phẩm, đồ uống, giá cả còn tùy tiện... Tình trạng buông lỏng quản lí vệ sinh ăn uống, vệ sinh thực phẩm ở các cơ sở ăn uống, cơ sở phục vụ các đối tượng khách du lịch nội địa, khách du lịch nước ngoài có mức tiêu dùng thấp, làm cho dịch vụ ăn uống của vùng ĐBSCL bị hạn chế, chậm đổi mới, không đáp ứng đòi hỏi của khách du lịch cũng như yêu cầu phát triển du lịch của vùng.

2.3. Khu du lịch, vui chơi, giải trí

Toàn vùng hiện có khoảng hơn 200 khu [2], điểm du lịch được đưa vào đầu tư khai thác, kinh doanh phục vụ tham quan, vui chơi giải trí của du khách, có thể kể đến như: Khu du lịch Nhà Mát (Bạc Liêu); di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Mahatup - Chùa Dơi (phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng); khu lăng miếu Núi Sam, bao gồm lăng Thoại Ngọc Hầu và miếu Bà Chúa Xứ (phường Núi Sam, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang); điểm du lịch Cồn Phụng (xã Tân Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre); điểm du lịch sinh thái Hồ Nam (phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu) và khu lưu niệm cố nhạc sĩ Cao Văn Lầu (phường 2, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu); di tích lịch sử địa điểm Nhà tù Phú Quốc (xã An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang) và điểm du lịch Mũi Nai (phường Pháo Đài, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang), cụm du lịch sinh thái Thới Sơn (Tiền Giang) và làng du lịch Mỹ Khánh (Cần Thơ). Trong Dự thảo chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch đến 2020 cũng định hướng trên lãnh thổ vùng ĐBSCL có tiềm năng phát triển 3 khu và 6 điểm du lịch quốc gia, gồm các khu vực: miệt vườn Thới Sơn; biển, đảo Phú Quốc; rừng ngập mặn Năm Căn; khu sinh thái đất ngập nước Láng Sen, Đồng Tháp Mười; thị xã Hà Tiên; vườn quốc gia Tràm Chim; Núi Sam; cù lao Ông Hổ. Nhìn chung, đa số các khu du lịch, vui chơi, giải trí ở đây thường có quy mô nhỏ, đơn điệu..., các khu du lịch và khu vui chơi giải trí tổng hợp có quy mô lớn còn ít và chưa đồng bộ.

Về thể thao, vui chơi, giải trí khác ở ĐBSCL cũng có rất nhiều cơ sở: khoảng 34 trung tâm thể thao, 1694 cơ sở massage, 746 spa đăng kí hoạt động, trên 50 vũ trường đang hoạt động, 195 câu lạc bộ đêm, 17 nhà hát [2]. Ngoài ra, còn rất nhiều các tiện nghi khác như: bể bơi, sân tennis, casino, nhà hát, rạp chiếu phim..., các tiện nghi này góp phần tạo nên sự hấp dẫn, thu hút du khách và kéo dài thời gian lưu trú, khuyến khích du khách chi tiêu. Nhưng trong thời gian qua, việc phát triển các tiện nghi thể thao và vui chơi giải trí cũng như các hoạt động tiêu khiển khác ở các khu du lịch ĐBSCL còn rất hạn chế, hầu như chỉ dừng ở các hoạt động karaoke, massage, bơi lội và tennis, các điểm tham quan và hoạt động tiêu khiển cũng còn thiếu.

Việc quan tâm đúng mức tới các khu du lịch, loại hình vui chơi giải trí thu hút khách du lịch, kéo dài thời gian lưu trú đối với khách là một trong những yếu tố để tạo nguồn vốn đầu tư phát triển du lịch trong vùng, đồng thời còn là điều kiện thu hút khách du lịch từ các nơi lân cận đến vùng.

2.4. Cơ sở hạ tầng giao thông phục vụ du lịch

So với tình hình chung của cả nước, vùng ĐBSCL có hệ thống giao thông đặc thù, bị chia cắt bởi nhiều kênh rạch chằng chịt và nhiều sông lớn. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế - xã hội phát triển tốt và sự quan tâm đầu tư của nhà nước, nên hệ thống hạ tầng giao thông được cải thiện trong thời gian qua.

Về giao thông đường bộ, khu vực

ĐBSCL được xem là có tiềm năng rất lớn. Đường bộ có tổng cộng 47.202 km, trong đó có 1960 km quốc lộ, 3720 km tỉnh lộ, 8402 km đường huyện, 33.120 km đường xã. Hiện nay, trong vùng có các quốc lộ 1, 50, 62, 30, 54, 57, 60, 61, 63, 80, 91, 91B; các tuyến N1, N2 và hệ thống các tỉnh lộ, huyện lộ. Nếu như trên cả nước, việc vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ chiếm 70% thì ở các tỉnh ĐBSCL ngược lại, vận tải thủy chiếm tới 70% và đường bộ chỉ khoảng 30% [1], [3]. Hệ thống giao thông đường thủy có tổng chiều dài tuyến sông là 2035 km. Hiện tại trong vùng, các tour du lịch đường sông đã được khai thác tốt ở các địa phương như Cần Thơ, Cà Mau, Kiên Giang, Tiền Giang, Bến Tre, Sóc Trăng... Các tuyến đường sông này phát triển sang tận Cam-pu-chia. Ngoài ra, vùng ĐBSCL còn có đường bờ biển dài trên 736 km, có hệ thống sông, kênh rạch chằng chịt với tổng chiều dài hơn 28.000 km, trong đó có 13.000 km có khả năng khai thác vận tải du lịch sông nước nội vùng đã hình thành nhiều tour, tuyến phục vụ du lịch tại các địa phương như Kiên Giang, Trà Vinh, Cà Mau... Đặc biệt là các tour nối liền Cà Mau, Kiên Giang với các đảo của vùng ĐBSCL. Hiện nay, trong vùng có 4 sân bay: 2 sân bay quốc tế và 2 sân bay nội địa với diện tích và công suất tiếp nhận khách khác nhau. Trong đó chỉ có sân bay quốc tế Cần Thơ, Phú Quốc có khả năng tiếp nhận máy bay cỡ lớn (trên 100 khách), các sân bay nội địa Cà Mau, Rạch Giá có đường băng nhỏ, điều kiện kỹ thuật cũng

chưa đáp ứng được việc vận hành trong các điều kiện phức tạp. Đường sắt là loại hình có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, tuy nhiên, giao thông vận tải bằng đường sắt hiện chưa có và chưa đủ điều kiện thuận lợi để đầu tư phát triển [3]. Nhìn chung, hệ thống giao thông của vùng tương đối tốt, đảm bảo nhu cầu đi lại của du khách đến tất cả các địa phương trong vùng. Tuy nhiên, chất lượng các tuyến giao thông bộ còn kém, tuyến đường nhỏ, hẹp, việc giao thông nội vùng còn hạn chế, đặc biệt là tuyến nối giữa Cà Mau với Kiên Giang, Đồng Tháp với An Giang... Giao thông đường thủy gặp nhiều khó khăn trong việc phục vụ du lịch vào mùa lũ. Giao thông đường biển còn chưa được khai thác đúng mức, mức độ đảm bảo an toàn của các phương tiện vận tải chưa cao; vì vậy, việc đầu tư đúng mức cho giao thông vận tải của ĐBSCL hiện là vấn đề cấp thiết.

2.5. Các tiện nghi phục vụ khác

Dịch vụ bưu điện tương đối phát triển, đã hình thành được khoảng 650 tổng đài điện thoại cố định và trên 2 triệu thuê bao (chỉ tính điện thoại cố định và di động trả sau). Đã sử dụng và đưa vào sử dụng 2700 điểm bưu cục cùng gần 100.000 thuê bao internet khắp toàn vùng, góp phần cung cấp tốt thông tin liên lạc giữa các cấp và các ngành. Mạng cáp quang quốc gia đã phủ kín mọi tỉnh thành trong vùng. Nhiều trung tâm thương mại và chợ được xây dựng khắp nơi. Hiện toàn vùng có 25 trung tâm thương mại, 9 chợ chuyên doanh, 3 chợ

biên giới và có gần 500 chợ được xây mới, nâng tổng số chợ hiện có là 1790 và chiếm trên 20% tổng số chợ trong cả nước; trong đó, chợ nông thôn là 1290 (chiếm gần 80%) đảm bảo 70 - 75% tổng mức lưu chuyển hàng hóa trong [2]. Ngoài ra, trong vùng hiện có gần 20 ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Công thương Việt Nam (Incombank), Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB), Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long (MHB). Nơi đây có hơn 150 doanh nghiệp lữ hành, công ty du lịch đang hoạt động, trong đó có những công ty lớn như: CPDL Cần Thơ, CPDL Kiên Giang, TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành An Giang, Phương Trang...[2]. Điều này góp phần thuận lợi cho việc tham quan, nhu cầu mua sắm và sử dụng dịch vụ cần thiết của du khách khi đến ĐBSCL.

2.6. Đánh giá chung về thực trạng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đồng bằng sông Cửu Long

2.6.1. Ưu điểm

Hệ thống CSVCKT du lịch ĐBSCL đang được xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện trong toàn vùng. Đặc biệt là được chú trọng ở các khu vực có khả năng thu hút khách, nhất là khách nước ngoài như Cần Thơ, Phú Quốc, Hà Tiên, Châu Đốc, Tiền Giang.

Lượng phòng cơ sở lưu trú toàn khu vực đến năm 2013 đạt trên 23.000 phòng, với mức tăng trưởng trung bình 16,2%

năm, bước đầu đáp ứng nhu cầu lưu trú của khách du lịch đến vùng ngày càng tăng.

Hệ thống cơ sở vui chơi giải trí cũng không ngừng tăng nhanh, các tỉnh ĐBSCL đang đầu tư 98 tỉ đồng nâng cấp hạ tầng du lịch, đến nay đã có 50 điểm du lịch tiêu biểu được nâng cấp và đầu tư trang bị các thiết bị vui chơi giải trí. [4]

Các cơ sở phục vụ ăn uống hết sức đa dạng, có đủ các hình thức từ những nhà hàng sang trọng đến những quán ăn bình dân. Đặc biệt là phục vụ ăn uống tại các khu du lịch sinh thái, trên các du thuyền, tại các vườn cây ăn trái du lịch... với những món ăn đặc sản, dân dã với phong cách phục vụ độc đáo của miệt vườn sông nước, đặc biệt là giá cả bình dân đã tạo nên nét khác biệt, hấp dẫn du khách nội địa và quốc tế.

Hạ tầng giao thông phục vụ du lịch đang được đầu tư nâng cấp và hoàn thiện tất cả các loại hình, phục vụ tốt cho việc nối các tour tuyến nội dung và liên vùng. Giao thông đường thủy là một lợi thế của vùng, được khai thác tốt trong phục vụ du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp...

Ngoài ra, hệ thống các dịch vụ hỗ trợ khác như các tập đoàn lữ hành, ngân hàng, bưu điện, công ti bảo hiểm cũng được đầu tư cải thiện để hỗ trợ tốt cho hoạt động du lịch của vùng.

2.6.2. Hạn chế

Nhìn chung, CSVCKT còn thiếu đồng bộ, chất lượng chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch hiện nay. Đặc biệt có nhiều điểm, khu du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp và nông

thôn rất hấp dẫn nhưng cơ sở hạ tầng và dịch vụ quá sơ sài và nghèo nàn đã làm hạn chế việc thu hút khách đến và kéo dài thời gian lưu trú. Thậm chí ở nhiều khu du lịch sinh thái, xe ô tô cũng không vào được do chưa có đường bê tông, hay đường nông thôn khổ hẹp và không có nhà hàng phục vụ ẩm thực hay khách sạn cho du khách muốn lưu trú qua đêm. Các cơ sở phục vụ ăn uống tại các khu du lịch sinh thái có thực đơn phục vụ ẩm thực thường trùng lặp. Thêm vào đó, vấn đề vệ sinh tại các cơ sở ăn uống ở các khu du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, các du thuyền du lịch, các vườn cây ăn trái du lịch... còn nhiều hạn chế trong xử lý rác thải.

Cơ sở lưu trú của từng tỉnh tuy đã được quan tâm nhiều hơn trong đầu tư xây dựng ở các năm gần đây, nhưng có rất ít cơ sở có thể đáp ứng yêu cầu phục vụ khách du lịch nước ngoài. Hầu hết các cơ sở lưu trú có quy mô nhỏ, số phòng, buồng ít, chất lượng thấp và thiếu tiện nghi phụ trợ tối thiểu như sân chơi, khoảng không hành lang...

Dịch vụ lưu trú tại nhà dân khá hấp dẫn, tuy nhiên, do người dân chưa nhận thức, chưa được đào tạo chuyên môn, du khách đến ít và theo thời vụ, không có vốn đầu tư nên người dân không mặn mà với cách làm này.

Hệ thống thương mại dịch vụ khá đa dạng, tuy nhiên, phân bố không phù hợp, mới chỉ tập trung ở thành phố, thị xã, quy mô nhỏ, sản phẩm còn rất nghèo nàn, đa số các khu thương mại hình thành đều không tính đến chức năng phục vụ du

lịch.

Cơ sở vui chơi giải trí, khu thể thao và các dịch vụ thư giãn như tắm hơi, vũ trường, trò chơi giải trí (casino), là khâu yếu nhất của vùng du lịch ĐBSCL hiện nay, nó không chỉ ảnh hưởng đến hoạt động du lịch mà còn ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh tế - xã hội của địa bàn. Đây là nguyên nhân của việc không giữ chân được khách du lịch. Tại Cần Thơ, An Giang và Kiên Giang, nơi có nhiều tiềm năng du lịch, trung tâm, đầu mối của các tour, tuyến du lịch trong vùng, lượng khách du lịch tới đây chiếm tỉ lệ lớn nhưng vẫn chưa có cơ sở vui chơi giải trí xứng tầm có thể đáp ứng nhu cầu. Các dịch vụ thư giãn tuy đã phát triển nhiều điểm, nhưng do tổ chức và cách làm kém, giá cả không hợp lí nên không thu hút khách.

Ngoài ra, hạ tầng giao thông còn nhiều vấn đề bất cập, nhất là giao thông đường thủy còn chậm phát triển, trong khi lợi thế du lịch của vùng là dựa vào sông nước và biển đảo.

Trên đây là những hạn chế mà du lịch ĐBSCL đang gặp phải. Vì thế, việc từng bước xây dựng CSVCKT của vùng là vấn đề đáng được quan tâm và chú ý; để từ đó, sự phát triển CSVCKT của từng tỉnh là yếu tố rất quan trọng trong sự phát triển kinh tế của vùng và cả nước.

3. Định hướng và giải pháp phát triển cơ sở vật chất kĩ thuật du lịch đồng bằng sông Cửu Long

Vùng du lịch ĐBSCL là nơi có điều kiện để phát triển du lịch. Du lịch đã đang và sẽ trở thành ngành kinh tế mũi

nhọn, tạo động lực thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Xây dựng CSVCKT du lịch để có thể đáp ứng tốt nhất yêu cầu phát triển du lịch, đặc biệt là sự tăng trưởng khá nhanh về số lượng và nhu cầu của khách du lịch là vấn đề có ý nghĩa quyết định để phát triển du lịch của vùng. Xây dựng CSVCKT du lịch vùng du lịch ĐBSCL, theo chúng tôi, cần tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu sau đây:

- Trước tiên, cần xây dựng cơ sở lưu trú với các cấp chất lượng, quy mô khác nhau, bố trí trên các địa bàn của tỉnh và toàn vùng một cách hợp lí để khai thác đạt hiệu suất sử dụng phòng cao;

- Điều quan trọng là xây dựng cơ sở vui chơi giải trí có quy mô và trang thiết bị thích hợp ở các trung tâm du lịch của vùng để thu hút khách;

- Cần xây dựng các cơ sở ăn uống, bán hàng lưu niệm, hàng đặc sản và các dịch vụ cần thiết khác một cách đồng bộ, khác biệt, độc đáo và quy mô thích hợp để có thể đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

Qua nghiên cứu việc đánh giá tiềm năng khai thác và sử dụng CSVCKT du lịch vùng ĐBSCL trong quan hệ với cả nước để phát triển du lịch, chúng tôi đề xuất những giải pháp như sau:

Xây dựng quy hoạch về phát triển CSVCKT du lịch phải căn cứ vào quy hoạch phát triển du lịch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Mỗi tỉnh trước hết phải kiểm kê, đánh giá tài nguyên du lịch, xác định những lợi thế về du lịch của từng điểm, khu vực du lịch trong tỉnh. Phân định các vùng chức năng, như:

khu vực lấy du lịch sinh thái làm chính; khu vực du lịch tham quan, nghiên cứu; khu vực vui chơi giải trí làm chính. Từ đó, hoạch định kế hoạch về xây dựng và mở rộng CSVCKT du lịch phù hợp với điều kiện kinh tế kỹ thuật và sự phát triển xã hội của từng khu vực, trong cả tỉnh và toàn vùng.

Tổ chức quản lí, đánh giá khả năng của CSVCKT du lịch trên cơ sở chiến lược phát triển và nâng cao chất lượng chúng. Mỗi địa phương cần thống kê một cách đầy đủ, xác định rõ chất lượng và năng lực có thể khai thác, hiệu suất sử dụng hiện tại đối với từng cơ sở vật chất hiện có. Khả năng huy động thêm, cũng như mức bổ sung giữa loại này với loại khác. Lập kế hoạch quản lí và phân cấp quản lí chúng để đảm bảo sự thống nhất trong khai thác sử dụng.

Đầu tư nâng cấp, mở rộng cơ sở hiện có trên cơ sở xây dựng mới. Từ việc kiểm kê đánh giá CSVCKT hiện có trên từng tỉnh và toàn vùng, tiến hành lập kế hoạch xây dựng, quy mô và thời gian khai thác sử dụng; xây dựng danh mục chi tiết cụ thể và thứ tự ưu tiên đầu tư đối với các công trình có quy mô lớn, chất lượng cao và có ảnh hưởng nhiều tới kế hoạch xây dựng, phát triển hệ thống CSVCKT của vùng. Đưa ra điều kiện và chính sách khuyến khích đầu tư vào CSVCKT du lịch từ các nguồn vốn để thu hút vốn, tập trung xây dựng theo kế hoạch.

Đào tạo nguồn nhân lực có đủ trình độ chuyên môn và lực lượng đáp ứng nhu cầu phục vụ du lịch của vùng. Gắn việc

đào tạo, bồi dưỡng lao động du lịch nói chung, lao động trong các cơ sở lưu trú, khu vui chơi giải trí, dịch vụ kỹ thuật phục vụ khách du lịch của vùng du lịch ĐBSCL nói riêng với tổng thể đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của cả nước. Đáp ứng một cách đầy đủ, linh hoạt lực lượng lao động có đủ trình độ chuyên môn để phát triển du lịch của vùng.

Tăng cường tổ chức khoa học, công nghiệp phục vụ du lịch để nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm du lịch của vùng. Tập trung xây dựng các cơ sở lưu trú, khu du lịch có quy mô và trang thiết bị hiện đại ở những trung tâm, khu du lịch lớn của vùng để kết hợp với hệ thống cơ sở của các vùng, nâng cao chất lượng và năng lực phục vụ du lịch. Cần có sự quan tâm cả về chính sách và sử dụng năng lực vào việc đầu tư xây dựng các cơ sở lưu trú, cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch với kỹ thuật tiên tiến để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

Mở rộng hợp tác và giao lưu quốc tế. Phát triển nhiều loại hình du lịch có sức hấp dẫn để có thể mở ra khả năng mới trong trao đổi hợp tác, giao lưu với nước ngoài. Tăng cường tham gia hội thảo, hội nghị, hội chợ quốc tế và khu vực về du lịch và CSVCKT du lịch, để có cơ hội trao đổi, tiếp cận và hợp tác về các vấn đề kỹ thuật cao cho du lịch. Cải tiến đi tới hợp lí hóa các thủ tục cho du khách nước ngoài, tạo sự thuận tiện, an toàn cho du khách.

Chấn chỉnh và tăng cường sự quản lí nhà nước về du lịch. Tại vùng du lịch ĐBSCL đã có 13 tỉnh thành lập Sở Văn

hóa Thể thao và Du lịch; tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển du lịch của vùng vẫn chưa đáp ứng. Vì vậy, cần tập trung củng cố tổ chức bộ máy quản lý về hành chính nhưng cũng tạo thuận lợi để thúc đẩy phát triển du lịch; sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh du lịch ở các tỉnh, khuyến khích phát triển các loại hình du lịch mang bản sắc văn hóa, truyền thống, du lịch xanh gắn với bảo vệ môi trường để phát triển kinh tế.

Cơ chế, chính sách cho xây dựng phát triển CSVCKT du lịch. Nhà nước cần có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư và ưu tiên cho những dự án đầu tư khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp, chất lượng 5 sao. Cho phép sử dụng tiền thu được sau khi có lãi hoặc nhà nước cấp, cho vay lãi suất ưu đãi hoặc không có lãi suất để góp vốn đầu tư, nâng tỉ lệ đầu tư của phía Việt Nam từ 50% trở lên (tùy theo dự án). Đối với những công trình có tính khả thi và hiệu quả cao, áp dụng hình thức huy động vốn trong nước thông qua hình thức cổ phần, cổ phiếu, để phía Việt Nam đủ mức cần thiết tham gia liên doanh với nước ngoài đạt tỉ lệ từ 50% trở lên, không nên để chỉ một đơn vị đứng ra như hiện nay, vì như thế sẽ không đủ vốn, bởi chủ yếu lấy giá trị đất để góp vốn, nên tỉ lệ vốn góp quá thấp (30% hoặc thấp hơn).

4. Kết luận

Vùng du lịch ĐBSCL có tiềm năng phát triển du lịch rất lớn, các loại hình du lịch ngày càng độc đáo và hấp dẫn, lượng khách du lịch đến vùng ngày càng tăng.

Hệ thống CSVCKT phục vụ du lịch của vùng đang có những mặt tích cực và đã đáp ứng được phần nào nhu cầu của khách du lịch khi đến đây. Trong thời gian qua đã có nhiều dự án phát triển CSVCKT du lịch được đầu tư ở ĐBSCL, đặc biệt là hệ thống cơ sở lưu trú, các khu vui chơi giải trí, các cơ sở ăn uống trong và ngoài cơ sở lưu trú cùng các dịch vụ du lịch ngày càng được hoàn thiện, đồng bộ và hiện đại. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội nói chung và du lịch nói riêng. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt mạnh mà hệ thống CSVCKT đạt được vẫn còn những mặt hạn chế cần khắc phục như hệ thống cơ sở lưu trú, vui chơi giải trí, cơ sở ăn uống và các dịch vụ du lịch khác chưa đáp ứng nhu cầu cả về chất lượng lẫn số lượng, quy mô và cơ cấu. Nhiều CSVCKT phụ trợ cho phát triển du lịch như phòng họp, khu nghỉ dưỡng, thể thao còn thiếu. Công tác kiểm kê đánh giá CSVCKT du lịch chưa được quan tâm đúng mức. Việc khai thác sử dụng CSVCKT du lịch cho mục đích du lịch chưa đáp ứng với mục tiêu chung của vùng và cả nước. Vì vậy, cần thiết phải đẩy mạnh hoạt động du lịch của vùng du lịch ĐBSCL nói riêng cũng như du lịch Việt Nam nói chung lên một tầm cao hơn. Muốn làm được điều đó thì cần phải có sự phối hợp chặt chẽ của địa phương, các sở ban ngành, cơ quan lãnh đạo du lịch... Và đặc biệt, cần chú trọng hơn nữa sự thu hút đầu tư trong và ngoài nước để có được hệ thống CSVCKT tốt phục vụ du lịch, đẩy mạnh kinh tế vùng và quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2020), *Đề án phát triển du lịch Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020*.
2. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (2013), *Báo cáo tình hình phát triển du lịch địa phương 2005 – 2012*.
3. Nguyễn Minh Tuệ và nnk (1996), *Địa lí du lịch*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
4. David Botterill, Vincent Platenkamp (2012), *Key concepts in tourism research*, SAGE publication Ltd.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 19-5-2014; ngày phản biện đánh giá: 05-6-2014;
ngày chấp nhận đăng: 24-10-2014)